

BÀI ÔN TẬP TIẾNG ANH KHỐI 5

PHIẾU SỐ 03

I. Look and write a word that matches the picture (*Nhìn tranh và viết từ phù hợp mô tả tranh*)

 <p style="text-align: center;">1</p>	 <p style="text-align: center;">2</p>	 <p style="text-align: center;">3</p>
.....
 <p style="text-align: center;">4</p>	 <p style="text-align: center;">5</p>	 <p style="text-align: center;">6</p>
.....

II. Choose the best answer. (*Chọn câu trả lời phù hợp để hoàn thiện các câu sau*)

1. What's the matter with him? He..... a toothache

- A. to have B. have C. has D. had

2. What subject is he..... now? Vietnamese.

- A. to learn B. learn C. learning D. learned

3..... did she go yesterday morning? She went to the bookshop.

- A. What B. Where C. When D. Why

4. Are you free..... the evening? Yes, I am.

- A. in B. on C. at D. to

5. How do I get to Hanoi Opera House?

A. No, I didn't go to the park.

B. That's sound awesome!

C. Go straight along Trang Tien street.

D. It's over there.

6. Do you want to go to the cinema?

A. No, thank you. I'm going to the cinema.

B. Wait a minute, please, Mai.

C. Sorry, I can't. I have to clean my house

D. Yes, we went to the park yesterday.

III. Write the simple past of the verbs in (brackets) to complete the sentences (*Viết dạng quá khứ của các động từ trong ngoặc vào chỗ trống để hoàn thiện các câu sau*)

Eg. Yesterday I went to the park. (go)

1. We _____ cereal and _____ juice for breakfast. (eat, drink)

2. Last weekend I _____ an e-mail to my friend. (write)

3. My brother _____ any computer games last night. (not play)

4. Yesterday I _____ to school, I _____ by car. (walk, not go)

5. My friend _____ me a new pencil case for my birthday. (give)

6. I _____ my favourite TV programme yesterday. (not watch)

IV. Read and write T for True or F for False (*Đọc đoạn văn sau và điền T nếu thông tin đúng và F nếu thông tin sai vào các câu sau*)

Phong is a pupil at Nguyen Trai Primary school. He goes to school from Monday to Friday. Today is Tuesday. He has Math, Vietnamese, Art and Music. He has English on Monday and Wednesday. English is his favourite subject because he loves reading English short stories and watching cartoons on TV.

1. Phong is a teacher.

2. He goes to school every day.

3. He has four lessons today.

4. He has English twice a week.

5. He doesn't like English.

6. He likes watching cartoons on TV.

V. Reorder the words to complete the sentences. (*Sắp xếp lại trật tự các từ sau đây để tạo thành câu hoàn chỉnh*)

1. nice / swimming / the / . / for / sea / is/
.....

2. having / in / I'm / . / Vung Tau / holiday / a/
.....

3. drink / some/ . / lemon juice / should / honey/ you/ and/
.....

4. yesterday / you / at / ?/ did / home / stay /
.....

5. the / Are / balls / ? / there / under / bed
.....

6. the / on / frog / the / . / are / The / dog / log / and
.....

---- The end ----